

Số: 35/QĐ-MNHA

Hùng An, ngày 08 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
Trường mầm non Hùng An, Năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HÙNG AN

Căn cứ Công văn số 698/SGDDT-KHTC ngày 20/9/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Tuyên Quang về hướng dẫn các nội dung cơ bản về thực hiện công khai các khoản thu, chi từ năm học 2025-2026;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (viết tắt là Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT);

Công văn số 589/SGDDT-KHTC Ngày 10 tháng 9 năm 2025, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành về việc thực hiện công tác quản lý thu, chi năm học 2025-2026 đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Thực hiện Công văn số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Thực hiện Công văn số 1930/UBND-VHXX ngày 16/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực GDĐT năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 3250/CAT-CSKT ngày 11/9/2025 của Công an tỉnh Tuyên Quang về việc phòng ngừa sai phạm trong quản lý, sử dụng kinh phí liên quan đến chi trả chế độ chính sách cho học sinh, giáo viên và các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Tổ Văn phòng trường mầm non Hùng An,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TTBGDDT ngày 03/6/2024 của Trường mầm non Hùng An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quyết định này điều bị bãi bỏ.

Điều 3. Tổ Văn phòng, các Tổ chuyên môn, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường MN Hùng An có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện, Phòng GD&ĐT (để b/c);
- Như điều 1;
- Lưu VP.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bình

QUY CHẾ
Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
của trường mầm non Hùng An
Năm học 2025 – 2026

(Kèm theo QĐ số 35/QĐ-MNTHA ngày 08/10/2025 về việc Ban hành QC thực hiện công khai theo TT 09/2024/TT-BGDĐT của Trường MN Hùng An)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về việc thực hiện công khai của trường mầm non Tam Hưng A, theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Toàn bộ CB, GV, NV và các bậc phụ huynh trường mầm non Hùng An chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của trường mầm non Hùng An về chất lượng CS&GD trẻ, công khai về điều kiện để đảm bảo chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ, về công tác thu chi tài chính, công tác thi đua, công tác sắp xếp nhân sự,... để CB, GV, NV và phụ huynh của trường tham gia giám sát và đánh giá trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong việc quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai:

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại trường mầm non Hùng An trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA CƠ SỞ GDMN HÙNG AN

Điều 4: Nội dung công khai

Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Hùng An

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tân An, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang

Số điện thoại: 0833731138

Địa chỉ trang tin điện tử: Email: c0hungan.bacquang@hagiang.edu.vn.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập, trường trực thuộc UBND xã Hùng An

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Tạo dựng một môi trường giáo dục, học tập thân thiện, có nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao, biết sáng tạo trong tổ chức các hoạt động, để mỗi trẻ đều được trải nghiệm có cơ hội phát triển về tư duy và năng lực một cách toàn diện.

- Trường Mầm non Hùng An trở thành một ngôi trường an toàn, thân thiện, uy tín, có chất lượng về chăm sóc, giáo dục trẻ. Nơi khởi đầu tình yêu thương, chất lượng, tin cậy. Giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 438/UB-QĐ ngày 10 tháng 10 năm 1989 của UBND huyện Bắc Quang, Thực hiện Quyết định 1810/QĐ-UBND ngày 06/6/2028 của UBND huyện Bắc Quang về việc phê duyệt đề án sáp nhập một số đơn vị trường trực thuộc UBND huyện. Đến tháng 9 năm 2018 được sáp nhập từ 3 trường MN trên địa bàn xã (MN Hùng An cũ, MN Hòa Mi, MN Tân Hùng) theo Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang; Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND xã Hùng An về Quyết định thành lập trường mầm non Hùng An thuộc ủy ban nhân dân xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang;

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Nguyễn Thị Bình, chức vụ, Hiệu trưởng trường mầm non Hùng An;

Số điện thoại 0833731138

Địa chỉ thư điện tử; nguyenthibinh.bacquang@hagiang.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hùng An.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hùng An

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- QĐ bổ nhiệm Hiệu trưởng: Số 80/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Hùng An về việc Tiếp nhận và bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Mầm non Hùng An

- Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng:

+ Vũ Thị Hương: Quyết định Số 81/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Hùng An về việc Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hùng An

+ Phan Thị Du: Quyết định Số 82/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Hùng An về việc Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hùng An

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác ...

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Các khoản thu học phí và các khoản thu khác

- Công khai các khoản thu theo quy định của nhà nước và các khoản thu thỏa thuận với phụ huynh theo NQQ 33 và thông tư 16, bao gồm chi tiết tiền ăn, tiền dịch vụ bán trú, tiền phục vụ học tập ngoại khóa, Tiền vận động tài trợ...

- Công khai việc sử dụng các khoản tiền huy động từ phụ huynh hoặc các tổ chức xã hội nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và cơ sở vật chất của nhà trường.

2. Sử dụng ngân sách nhà nước

Công khai ngân sách nhà nước cấp, báo cáo quyết toán, Quy chế chi tiêu nội bộ, dự toán, phân bổ ngân sách...

Công khai các khoản chi tiêu từ nguồn ngân sách nhà nước, đảm bảo minh bạch trong việc sử dụng ngân sách để đầu tư vào cơ sở vật chất, hoạt động giáo dục và phát triển trường.

Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Điều 6. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:
 - a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;
 - b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp; 100%
 - c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định; 100%
2. Thông tin về cơ sở vật chất:
 - a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
 - b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
 - c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
 - d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.
3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:
 - a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;
 - b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

Điều 7. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục mầm non

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:
 - a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;
 - b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục;
 - c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;
 - d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em;
 - đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (NQ 33).
2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

- a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);
- b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép.
- c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày; 100%
- d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú; 100%
- đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ; 100%
- e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;
- g) Số trẻ em khuyết tật; 06 trẻ

Điều 8. Cách thức và thời gian công khai

1. Bảng tin công khai tại trường: Thông tin công khai sẽ được niêm yết trên bảng tin của trường ở những vị trí dễ tiếp cận, giúp phụ huynh và học sinh dễ dàng tiếp cận thông tin.

2. Website của trường: Các trường cần cập nhật thông tin công khai trên trang web chính thức, đảm bảo tính liên tục và dễ dàng tra cứu thông tin.

3. Các cuộc họp phụ huynh: Tổ chức họp phụ huynh vào đầu năm học và giữa năm học để công khai, giải thích các thông tin liên quan.

4. Báo cáo công khai định kỳ: Các thông tin công khai cũng sẽ được trình bày trong các báo cáo công khai hàng năm, gửi cho các cơ quan quản lý giáo dục và cộng đồng.

2. Thời gian công khai

2.1. Đầu năm học: Công khai các thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, cơ sở vật chất, điều kiện bán trú và cam kết chất lượng giáo dục.

2.2. Giữa năm học: Công khai báo cáo giữa kỳ về việc thực hiện các hoạt động giáo dục, thu chi tài chính, và tình hình thực hiện kế hoạch giáo dục.

2.3. Cuối năm học: Tổng kết và công khai kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục, chất lượng giáo dục, và các thông tin tài chính trong suốt năm học.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

1. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức, thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai Quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra trước 30 tháng 9 hàng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của trường.

4. Thực hiện công bố KQ kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được KQ kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra bằng các hình thức sau:

- a) Công bố công khai trong cuộc họp với CB, GV, NV của trường.
- b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.
- c) Đưa lên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai, các tổ chuyên môn và nhân viên trong nhà trường.

- Ban chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ như đã được phân công trong Quyết định số 41/QĐ-MNHA ngày 20/9/2024 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện QCDC cơ sở của Trường mầm non Hùng An.

- Các tổ chuyên môn và toàn thể CB, GV, NV trong trường có trách nhiệm thực hiện tốt Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì đề nghị Ban chỉ đạo xem xét sửa đổi. Quy chế sửa đổi có hiệu lực thi hành chỉ khi có

Quyết định thay thế./.

Nơi nhận:

- UBND xã (để b/c) ;
- CB, GV, NV (để t/h);
- Website nhà trường;
- Lưu VT./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bình

BIÊN BẢN NIÊM IẾT
Thực hiện công khai Quy chế theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT
Trường mầm non Hùng An
Năm học 2025 – 2026

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng BGD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Hôm nay, trường mầm non Hùng An thực hiện việc niêm yết các nội dung công khai theo quy định tại **Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 7** của Quy chế số 31/QCCK-MNHA ngày 10/09/2025 trường MN Hùng An về thực hiện công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 đối với cơ sở giáo dục.

I. THỜI GIAN: Hồi 16h30 ngày 15 tháng 9 năm 2025.

II. ĐỊA ĐIỂM: Tại hội đồng trường mầm non Hùng An.

Niêm yết Tại bảng công khai

III. THÀNH PHẦN

- + Ban chỉ ủy chi bộ trường;
- + Ban giám hiệu nhà trường: 3/3 đồng chí;
- + Đại diện các Tổ chuyên môn; Tổ trưởng các điểm; Ban thanh tra ND;
- + Đồng chí Kế toán, Thủ quỹ nhà trường;
- + Ông Lê Trọng Dũng Hội trưởng Hội phụ huynh của trường.
- + Chủ tọa Hội nghị: Đồng chí Nguyễn Thị Bình - Hiệu trưởng
- + Thư ký: Mai Thị Thúy.

IV. NỘI DUNG

1. Đồng chí Nguyễn Thị Bình - Hiệu trưởng (Chủ tọa): Thông qua chương trình và thống nhất nội dung của Hội nghị.

2. Đồng chí Phan Thị Du - Phó Hiệu trưởng: Thông qua các nội dung cần phải công khai tại Điều 4 của Quy chế số 31/QCCK-MNHA ngày 10/9/2025 trường MN Hùng An về thực hiện công khai. Cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG¹

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Hùng An

2. Địa chỉ trụ sở chính: Trường đặt trên địa bàn thôn Tân An, xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang

Số điện thoại: 0833731138

Địa chỉ trang tin điện tử: Email: c0hungan.bacquang@hagiang.edu.vn.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường công lập, loại 1, trường trực thuộc UBND xã Hùng An

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Tạo dựng một môi trường giáo dục, học tập thân thiện, có nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao, biết sáng tạo trong tổ chức các hoạt động, để mỗi trẻ đều được trải nghiệm có cơ hội phát triển về tư duy và năng lực một cách toàn diện.

- Trường Mầm non Hùng An trở thành một ngôi trường an toàn, thân thiện, uy tín, có chất lượng về chăm sóc, giáo dục trẻ. Nơi khởi đầu tình yêu thương, chất lượng, tin cậy. Giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 438/UB-QĐ ngày 10 tháng 10 năm 1989 của UBND huyện Bắc Quang, Thực hiện Quyết định 1810/QĐ-UBND ngày 06/6/2028 của UBND huyện Bắc Quang về việc phê duyệt đề án sáp nhập một số đơn vị trường trực thuộc UBND huyện. Đến tháng 9 năm 2018 được sáp nhập từ 3 trường MN trên địa bàn xã (MN Hùng An cũ, MN Hòa Mi, MN Tân Hùng) theo Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Quang; Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 của UBND xã Hùng An về Quyết định thành lập trường mầm non Hùng An thuộc ủy ban nhân dân xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang;

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Nguyễn Thị Bình, chức vụ, Hiệu trưởng trường mầm non Hùng An;

Số điện thoại 0833731138

Địa chỉ thư điện tử; nguyenthibinh.bacquang@hagiang.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hùng An.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hùng An

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- QĐ bổ nhiệm Hiệu trưởng: Số 80/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Hùng An về việc Tiếp nhận và bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Mầm non Hùng An

- Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng:

+ Vũ Thị Hương: Quyết định Số 81/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Hùng An về việc Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hùng An

+ Phan Thị Du: Quyết định Số 82/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND xã Hùng An về việc Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Hùng An

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

Xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, tầm nhìn, sứ mệnh và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

Nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ theo điều lệ trường mầm non quy định: Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; Tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật. Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá hoặc theo yêu cầu tối thiểu đối với vùng đặc biệt khó khăn.

Phối hợp với gia đình trẻ em, tổ chức và cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

Thực hiện kiểm định chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; quản lý trẻ em; tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trong phạm vi được phân công; thực hiện hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non khác trên địa bàn nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục theo phân công của cấp có thẩm quyền.

- Sơ đồ, tổ chức bộ máy của cơ sở

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Gồm 11 thành viên

HIỆU TRƯỞNG

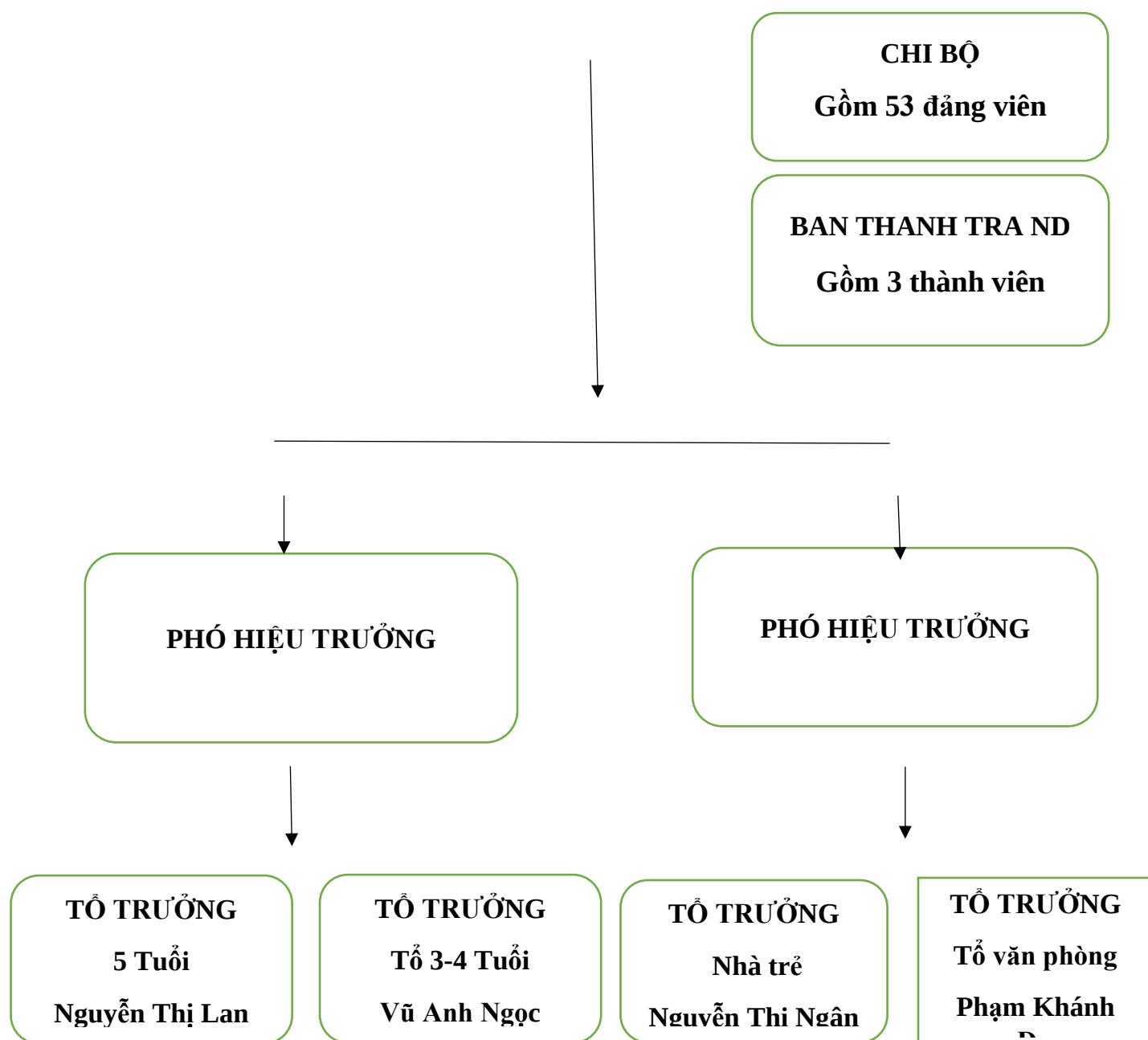
Nguyễn Thị Bình

CHI ỦY CHI BỘ

Gồm 5 thành viên

HỘI ĐỒNG TĐKT

Gồm 9 thành viên



- Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo			
			Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới trung cấp
	Tổng số VCQL, giáo viên, nhân viên	57	42	10	1	4
I	VCQL	3				
1	Hiệu trưởng	1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2			

II	Giáo viên	48	38	10		
1	Nhà trẻ	16	12	4		
2	Mẫu giáo	32	26	6		
III	Nhân viên	6	1		1	4
1	Nhân viên y tế	1			1	
2	Nhân viên hành chính, phục vụ	2				2
3	Nhân viên bảo vệ	2				2

2. Số lượng, tỷ lệ VCQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2024 -2025			
		Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
1	VCQL	3/3	0/3		
	Tỷ lệ	100%	0%		
2	Giáo viên	32/52	20/52		
	Tỷ lệ	61,5%	38,5%		

2. Số lượng, tỷ lệ VCQL, giáo viên đánh giá xếp loại viên chức cuối năm

STT	Nội dung	Năm học 2024 -2025			
		xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	Không hoàn thành
1	VCQL	2/3	1/3		
	Tỷ lệ	66,7%	33,3%		
2	Giáo viên	17/55	45/55		
	Tỷ lệ	20%	83%		

4. Số lượng tỷ lệ VCQL, giáo viên, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

STT	Nội dung	Năm học 2025-2026	
		Số lượng	Tỷ lệ
1	VCQL	3	100%
2	Giáo viên	48	100%
3	Nhân viên	6	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tổng có 22 phòng học; Kiên cố 15/22 đạt 68%; Bán kiên cố 8/22 đạt 32%

* Điểm trường chính

+ 02 nhà xây 2 tầng: 9 phòng học kiên cố

+ 01 nhà cấp 4: Bếp ăn và phòng ăn

* Điểm Kim Bàn: 01 nhà xây 2 tầng: 04 phòng học

* Điểm An Bình: 02 nhà cấp 4: 03 phòng học;

* Điểm Tân Hùng: 01 nhà cấp 4: 04 phòng học; 1 nhà lưu trú 01 phòng học

- Bàn ghế có 250 bộ

+ Phòng học chức năng: 02 phòng (01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục âm nhạc).

+ Hệ thống phòng hiệu bộ: 07 phòng (03 phòng Ban giám hiệu, 01 văn phòng trường, 01 hội trường, 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ).

+ Khối phòng phụ trợ: 05 công trình nước sạch; 01 nhà để xe của cán bộ, giáo viên; 07 công trình vệ sinh (trong đó 01 công trình vệ sinh cho CBGV, 06 công trình vệ sinh cho học sinh).

- Về trang thiết bị, đồ dùng dạy học: Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã chủ động rà soát để mua sắm bổ sung đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học phù hợp với thực tiễn của đơn vị, khai thác và sử dụng hiệu quả những đồ dùng, thiết bị hiện có. Xây dựng cảnh quan môi trường, khuôn viên lớp học luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

STT	Nội dung	Năm 2025 - 2026	Yêu cầu theo quy định
	Tổng diện tích toàn trường	7.379,1m ²	12m ² /1 trẻ /558 trẻ
1	Diện tích đất Trường chính	2.695,7m ²	
1.1	Diện tích Điểm Kim Bàn	1.918,4m ²	
1.2	Diện tích đất điểm An Bình	114,0m ²	
1.3	Diện tích đất điểm Tân Hùng	1.851,0m ²	
1.4	Diện tích đất điểm Hùng Thắng	800,0m ²	Xóa điểm
2	Số lượng hạng mục thuộc các khối phòng		
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc trẻ		
	Phòng học	22	
	Phòng vệ sinh	6	
	Phòng ngủ	0	
	Phòng khác	0	
2.2	Khối phòng phục vụ học tập		
	Thư viện	0	
	Phòng thể chất	01	
	Phòng đa năng	0	
	Phòng khác	01	
2.3	Phòng tổ chức ăn		
	Nhà bếp	01	
	Nhà kho	01	
	Phòng khác		
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị		
	Phòng hiệu trưởng	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	2	
	Văn thư	0	
	Phòng hội đồng	1	
	Phòng bảo vệ	1	

	Phòng y tế	1	
	Phòng nhân viên	1	
	Phòng khác	1	
2.5	Khối công trình công cộng		
	Nhà xe giáo viên	1	
	Số lượng thiết bị đồ chơi	5 bộ	
	Số lượng đồ chơi ngoài trời	11	
	Số lượng đồ dùng phòng đa năng		
5	Tổng số thiết bị giáo dục khác		
	Ti vi	5	
	Máy tính xách tay	5	
	Máy in	6	
	Máy tính để bàn	5	
	Máy chiếu	1	
	Loa di động	2	
	Bàn hội đồng	24	
	Ghế	60	
	Bức tượng Bác	1	
	Bức phát biểu	1	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở

Kết quả tự đánh giá: Trường Mầm non Hùng An tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số 3121/QĐ-SGDĐT ngày 09/12/2024 “Về việc công nhận Trường Mầm non Hùng An, huyện Bắc Quang đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2”;

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Công tác phát triển số lượng: Công tác huy động trẻ trong độ tuổi đến trường đảm bảo theo kế hoạch. Công tác phát triển số lượng và duy trì sĩ số học sinh, tỷ lệ huy động trẻ đến trường: Trẻ 0-2 tuổi đạt 66,07%, trẻ từ 3-5 tuổi đạt 92,2%. Trong đó trẻ 5 tuổi đến trường đạt 100%;

- Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ: 100% trẻ ra lớp được chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng đúng theo Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non ở các độ tuổi do Bộ giáo dục và đào tạo quy định:

- + Tỷ lệ Bé chăm đạt: 97,5% (Tăng 0,5% so với năm học trước);
- + Tỷ lệ Bé ngoan đạt: 98% (Duy trì kết quả của năm học trước);
- + Tỷ lệ Bé sạch: 100 % (Duy trì kết quả của năm học trước);

+ Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đầu năm: $36/503 = 7,15\%$; cuối năm: giảm còn $15/503 = 2,98\%$, giảm thấp hơn $4,17\%$ so với đầu năm;

+ Tỷ lệ trẻ chuyên cần: Trẻ 5 tuổi đạt 100% , trẻ ở độ tuổi khác đạt $97,5\%$;

+ Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non: $127/127 = 100\%$; Trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày đạt 100% ; Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi đạt 100% ; Tỷ lệ các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tổ chức cho trẻ ăn bán trú: $22/22 = 100\%$; Tỷ lệ nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo được học 2 buổi/ngày đạt 100% ;

+ 100% trẻ đến trường được đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần, không có trường hợp ngộ độc hay dịch bệnh xảy ra trong nhà trường. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh.

- Chất lượng đội ngũ: Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức theo Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ: Viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: $11/57 = 19,29\%$; Viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ: $46/57 = 80,71\%$. Viên chức đủ điều kiện đề nghị các Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 11 người; Viên chức đề nghị công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến trở lên $57/57$ người = 100% . Viên chức đủ điều kiện đề nghị các hình thức khen thưởng: Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ 01 cá nhân, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang 06 cá nhân.

Thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường và các Nghị quyết của Hội đồng trường. Kết quả kiểm tra toàn diện nhà trường cuối năm học của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bắc Quang Nhà trường được xếp loại Tốt.

- Nhà trường triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tới 100% cán bộ giáo viên, nhân viên trong toàn trường. Sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý: Vn.Edu; quản lý cán bộ công chức, viên chức; thi đua khen thưởng, phổ cập, cơ sở dữ liệu, tuyển sinh,.... Sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử Vnpt ioffice, liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa nhà trường với giáo viên, với phòng Giáo dục và Đào tạo Bắc Quang, với các cơ quan liên quan..... Ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo qua mạng, dự giờ, đặc biệt đối với hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo tổ, nhóm trên nền tảng Google Meet, Zoom. 100% viên chức trong nhà trường đã cài đặt VNEID và định danh điện tử mức độ 2, triển khai kịp thời các danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các cấp, các ngành tới 100% viên chức trong nhà trường..... tích cực khai thác văn bản trên các trang web của ngành, của huyện để có thêm tư liệu phong phú trong công tác quản lý giáo dục.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Thường xuyên cập nhật các quy định TTHC mới do cấp trên, do Phòng GD&ĐT huyện, Sở GD&ĐT ban hành, thực hiện công khai đầy đủ TTHC theo quy định công khai tại trường.

- Nhà trường đã xây dựng và công khai quy trình, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính. Phân công VCQL, giáo viên phụ trách, bố trí cơ sở vật chất phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi trách nhiệm của nhà trường. Đảm bảo thời gian, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

- Niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức. Phân công cán bộ và công khai số điện thoại của cán bộ chịu trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc giải quyết các thủ tục hành chính của các bộ phận chức năng trong nhà trường.

- Có giải pháp nâng cao chất lượng hội họp; giảm giấy tờ hành chính không cần thiết; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Thực hiện việc tiếp dân, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính theo quy định; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính tại đơn vị. Thực hiện tự kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

- Phân công, bố trí viên chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của nhà trường đến việc đăng ký tài khoản công dân trên cổng dịch vụ công và nộp hồ sơ trực tuyến.

Nội dung chi tiết

STT	Nội dung	Tồn năm trước chuyển sang	Năm 2024 (Thu)	Phản Chi	Tồn
I	Ngân sách		11.824.197.000		200
1	Kinh phí chi thường xuyên		11.432.498.000	11.432.498.000	
2	Kinh phí không thường xuyên		391.699.000	391.698.800	200
II	Xã hội hóa				
1	Học phí	51.764.000	130.614.400	149.367.400	33.011.000
2	Thu theo NQ 33				
2.1	Tiền ăn	0			0
2.2	Thuê cấp dưỡng	24.960.500	308.080.000	325.329.000	7.711.500

2.3	Quản lý học sinh ăn, ở bán trú	0	226.818.000	226.818.000	0
2.4	Mua sắm đồ dùng bán trú	0	48.548.500	48.548.500	0
2.5	Nước uống	1.110.500	11.928.000	13.038.500	0
2.6	Vệ sinh	5.000	39.765.000	39.770.000	0
2.7	Điện vận hành	4.423.651	31.817.000	36.220.555	20.096
3	Vận động tài trợ	50.200	81.950.000	81.903.000	97.200

VII. HÌNH THỨC CÔNG KHAI

- + Công khai trên trang thông tin điện tử Website nhà trường.
- + Công khai trên bảng niêm yết công khai tại Văn phòng và Bảng tin.
- + Công khai trên hội nghị họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

Biên bản được lập xong vào hồi 17h00 cùng ngày, được thông qua tại Hội nghị, tất cả mọi người trong Hội nghị cùng được nghe và đều nhất trí thống nhất, không ai có ý kiến nào khác.

Biên bản được niêm yết công khai tại Hội nghị họp Hội đồng SP nhà trường, trên trang Website của nhà trường và dán tại Văn phòng, Bảng tin của nhà trường kể từ ngày 15/9/2025 đến hết ngày 30/9/2025./.

THƯ KÝ HỘI NGHỊ
T/M HỘI PHỤ HUYNH
HỘI TRƯỞNG

T/M BGH NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG

Lê Trọng Dũng

Nguyễn Thị Bình

Phó Hiệu trưởng

KẾ TOÁN

Phan Thị Du Vũ Thị Hương

Chu Thị Nhung

